

Phụ lục 01. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp tuyển sinh trình độ tiến sĩ

TT	Ngành dự xét tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
1.	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> • Kinh doanh và quản lý (lĩnh vực) <ul style="list-style-type: none"> • (Nhóm ngành) Kinh doanh - Quản trị kinh doanh - Marketing - Bất động sản - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử - Kinh doanh thời trang và dệt may 	(Nhóm ngành) <ul style="list-style-type: none"> • Kinh tế học • Kinh doanh • Quản trị - Quản lý

- Trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học, khi trúng tuyển NCS cũng phải hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD của Nhà trường

Phụ lục 02. Danh mục ngành gần, ngành khác tương thích tuyển sinh trình độ tiến sĩ

Stt	Ngành dự xét tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học, thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức
1.	Quản trị kinh doanh	Các ngành không thuộc danh mục ở <i>phụ lục 01</i> đối chiếu bảng điểm để xác định môn học cần bổ sung.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế vi mô – 2TC 2. Kinh tế vĩ mô – 2TC 3. Quản trị học – 2TC 4. Nguyên lý thống kê – 2TC 5. Nguyên lý kế toán – 2TC 6. Phương pháp luận NCKH – 2TC

- Trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học, khi trúng tuyển NCS cũng phải hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD của Nhà trường

Phụ lục 03. Danh sách giảng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh và hướng nghiên cứu

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	Thông tin liên hệ
1.	Nguyễn Tri Khiêm		
2.	Đào Duy Huân		
3.	Đỗ Văn Xê		
4.	Nguyễn Hồng Gấm		
5.	Lê Nguyễn Đoàn Khôi		
6.	Lưu Thanh Đức Hải		

1. Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào trình độ tiến sĩ:

- a) Chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển và đạt tối thiểu trình độ B2 theo CEFR. Gồm các chứng chỉ sau:

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF 400 trở lên Văn bằng DELF B2 trở lên Diplôme de Langue trở lên
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
4	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ- Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

- b) Chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của các cơ sở đào tạo được Bộ GDĐT công nhận. Cụ thể chỉ áp dụng chứng chỉ do các cơ sở đào tạo có trong danh mục tại website <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>.

2. Văn bằng ngoại ngữ xét đầu vào trình độ tiến sĩ

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học Chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận; Chương trình có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

Phụ lục 5a: Mẫu trang bì báo cáo
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

:

BÀI LUẬN BÁO CÁO PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN
NGHIÊN CỨU SINH

Họ tên người dự tuyển:.....

Cơ quan công tác của người dự tuyển (nếu có):

Tên đề tài/ định hướng đề tài nghiên cứu:.....

Ngành dự tuyển:.....

Đăng ký hình thức đào tạo:

NCS đã có bằng thạc sĩ: Tập trung 3 năm Không tập trung 3 năm

NCS chưa có bằng thạc sĩ: Tập trung 4 năm Không tập trung 4 năm

Trình độ ngoại ngữ:

- Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ đã có):
- Ngoại ngữ khác (nếu có):

Người hướng dẫn chính:.....

Cơ quan công tác của CBHD:.....

Người đồng hướng dẫn (nếu có):.....

Cơ quan công tác của CBHD:

Phụ lục 5b: Hướng dẫn viết nội dung bài luận báo cáo

**YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI LUẬN BÁO CÁO
PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**

- Bài luận báo cáo được trình bày 1 mặt trên khổ giấy A4, cỡ chữ 13, Times New Roman; Canh lề trên, dưới, phải trái 2.5 cm;
- Bài luận phỏng vấn và bản sao công trình khoa học được **đóng bìa theo mẫu phụ lục 5a** (không được đóng gáy xoắn và không photo ghép mặt)
- Người dự tuyển trình bày báo cáo bằng power-point.

Bài luận phỏng vấn gồm 03 nội dung chính sau đây:

I. Phần 1: Kinh nghiệm chuyên môn và kế hoạch học tập:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
3. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
4. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
5. Kinh nghiệm của người dự tuyển: về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác; kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân người dự tuyển trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...
6. Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.

II. Phần 2: Giới thiệu khái quát đề tài nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

1. Tên đề tài/ định hướng đề tài nghiên cứu
2. Mục tiêu nghiên cứu của luận án
3. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài
4. Tóm tắt nội dung nghiên cứu luận án
5. Nơi thực hiện đề tài nghiên cứu của luận án

III. Phần 3. Minh chứng năng lực nghiên cứu: ứng viên báo cáo ít nhất một trong các nội dung minh chứng năng lực nghiên cứu như sau:

1. Luận văn thạc sĩ (*ghi tên đề tài, giảng viên hướng dẫn, phương thức đào tạo, năm bảo vệ luận văn, kèm bản sao bằng điểm thạc sĩ có ghi phương thức đào tạo đóng cùng quyền báo cáo*):

2. Bài báo khoa học: (*Liệt kê danh mục bài báo theo năm đăng và ghi rõ thông tin từng bài: Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, ... theo mẫu và kèm bản sao bài báo đóng cùng quyền báo cáo*)

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí, số của tạp chí, trang đang bài báo, năm xuất bản	Nơi đăng		Số hiệu (ISSN; ISBN, ...)	Ghi chú
		Trong nước	Quốc tế (tên nước)		

3. Thâm niên trong công tác giảng dạy đại học, nghiên cứu khoa học (*tên cơ quan đang công tác, thời gian bắt đầu công tác, kèm bản sao giấy xác nhận của CQCT*)

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC TIẾN SĨ

1. Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ cùng ngành là 03 năm; đối với người chỉ có bằng đại học cùng ngành là 04 năm.

- Khóa tuyển năm 2022 sẽ bắt đầu nhập học từ tháng/2022

2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

2.2. Cấu trúc chương trình đào tạo: (Yêu cầu ngoại ngữ đầu ra theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo QĐ 18/2021/TT-BGDĐT ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng BGDĐT)

Đối tượng NCS	Tổng số tín chỉ	Trong đó gồm			
		Học phần bổ sung	Học phần trình độ tiến sĩ		Luận án tiến sĩ
			Bắt buộc (9 tín chỉ)	Tự chọn	
NCS chưa có bằng thạc sĩ	≥ 125	≥ 30 (NCS học các môn học cơ sở và chuyên ngành của bậc thạc sĩ)	- Tiểu luận tổng quan (3TC) - Chuyên đề tiến sĩ (2 CĐ- 6 tín chỉ)	6 - 12	80
NCS đã có bằng thạc sĩ	≥ 95	Áp dụng đối với NCS có bằng Thạc sĩ ngành gần hoặc ngành khác. Số tín chỉ được xét theo từng trường hợp cụ thể.	- Tiểu luận tổng quan (3TC) - Chuyên đề tiến sĩ (2 CĐ- 6 tín chỉ)	6 - 12	80

a. Học phần bổ sung:

• *Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành gần, ngành khác với ngành đào tạo:* căn cứ vào các môn học đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ của người học, Nhà trường sẽ xác định số môn học và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung của chương trình thạc sĩ tương ứng.

• *Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ:* các môn học bổ sung bao gồm các môn học ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn. Tổng số tín chỉ bổ sung tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia.

b. Học phần trình độ tiến sĩ: Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu 15 tín chỉ, trong đó gồm:

b.1. Học phần tiến sĩ bắt buộc (tối thiểu 9 tín chỉ)

• **Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ):** yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

• **Các chuyên đề tiến sĩ (tối thiểu 6 tín chỉ):** yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi nghiên cứu sinh hoàn thành tối thiểu 02 chuyên đề (3 tín chỉ/ chuyên đề)

b.2. Học phần tiến sĩ tự chọn: mỗi nghiên cứu sinh hoàn thành tối thiểu 6 tín chỉ môn học thuộc khung học phần tiến sĩ của ngành đào tạo.

c. Luận án tiến sĩ: là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án

d. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải có ít nhất hai bài báo khoa học (*nghiên cứu sinh là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (corresponding author); có ghi tên cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM mà nghiên cứu sinh đang theo học*).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---***---

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người dự tuyển NCS)

I – LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên, Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../.....Nơi sinh:.....Dân tộc.....Tôn giáo.....

Cơ quan công tác hiện tại:

Chức vụ/ nghề nghiệp hiện tại:

Địa chỉ liên lạc.....

II – QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian học: Từ.....đến.....

Nơi học (trường, thành phố).....

Ngành học.....

Điểm trung bình tốt nghiệp:, xếp loại tốt nghiệp:

Cao học: từ.....đến.....tại (trường, viện, nước).....

Tên luận văn.....

Ngày và nơi bảo vệ.....

Điểm bảo vệ luận văn:, Điểm trung bình tốt nghiệp:

Người hướng dẫn.....

Trình độ ngoại ngữ:

- Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ đã có):

- Ngoại ngữ khác (nếu có):

III – HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

1. Quá trình làm việc:

Thời gian	Công tác chuyên môn	Nơi công tác

2. Kết quả hoạt động khoa học:

a. Đề tài/dự án

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí (triệu đồng)</i>	<i>Chủ nhiệm /Tham gia</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
1							
2							

b. Các bài báo

b.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i>	<i>Điểm IF</i>
1				
2				

b.2. Đăng trên tạp chí trong nước

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

b.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

b.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Ghi chú</i>
1				
2				

c. Các giải thưởng Khoa học (thời gian, hình thức khen thưởng, cơ quan quyết định)

.....
.....

....., ngàytháng.....năm 20.....

Người khai ký tên